

## ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1

## MÔN: TIẾNG ANH 12 GLOBAL SUCCESS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

## HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. A	6. A	11. B	16. A	21. A	26. B	31. C	36. D	41. C	46. D
2. B	7. D	12. C	17. B	22. A	27. A	32. D	37. A	42. B	47. B
3. A	8. D	13. D	18. B	23. A	28. A	33. D	38. D	43. D	48. A
4. A	9. D	14. A	19. A	24. B	29. C	34. A	39. A	44. A	49. D
5. B	10. B	15. B	20. C	25. C	30. B	35. D	40. B	45. C	50. A

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

**Bài nghe 1:**

Despite being celebrated in a variety of ways and at various times, New Year is one of the most popular festivals throughout the world. In many Western nations on December 31st, people gather with friends and family to eat, drink and dance in celebration of January 1st. On New Year's Eve, some of the biggest parties are held. In many cities, crowds flocked to the town centre to celebrate the New Year at midnight with fireworks. In many Asian countries, including China, Taiwan and Vietnam, the New Year is based on a lunar calendar. Although the date varies every year, it typically falls between January 21st and February 21st. Traditionally, it is seen as a time for family reunions, with people travelling across the country and from overseas. Many people wear red clothes since it is believed to be a lucky colour. They also liked firecrackers to chase away bad luck and give lucky money in red envelopes to friends and family. What's common among these celebrations is the meaning of the New Year. It is a time to say goodbye to the past and to reflect on fresh starts. For example, in Japan celebrations known as bonenkai parties or year forgetting parties are held to put the previous year's worries and troubles behind them. In many countries, people make New Year's resolutions to make changes in their lives over the coming year, such as to lose weight, stop smoking, or learn a new skill.

**Tạm dịch**

Mặc dù được tổ chức theo nhiều cách khác nhau và vào những thời điểm khác nhau, năm mới vẫn là một trong những lễ hội phổ biến nhất trên toàn thế giới. Ở nhiều quốc gia phương Tây vào ngày 31 tháng 12, mọi người tụ tập cùng bạn bè và gia đình để ăn uống và khiêu vũ để chào mừng ngày 1 tháng 1. Vào đêm giao thừa, một số bữa tiệc lớn nhất được tổ chức. Tại nhiều thành phố, đám đông đổ về trung tâm thị trấn để ăn mừng năm mới vào lúc nửa đêm bằng pháo hoa. Ở nhiều nước châu Á, bao gồm Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam, năm mới được tính theo âm lịch. Mặc dù ngày này thay đổi hàng năm nhưng nó thường rơi vào khoảng từ ngày 21 tháng 1 đến ngày 21 tháng 2. Theo truyền thống, đây được coi là thời điểm để đoàn tụ gia đình, với những người đi du lịch khắp đất nước và từ nước ngoài. Nhiều người mặc quần áo màu đỏ vì người

ta tin rằng đó là màu may mắn. Họ cũng thích đốt pháo để xua đuổi những điều xui xẻo và tặng tiền lì xì đựng trong phong bao lì xì màu đỏ cho bạn bè và gia đình. Điều chung giữa những lễ kỷ niệm này là ý nghĩa của năm mới. Đây là lúc để nói lời tạm biệt với quá khứ và suy ngẫm về những khởi đầu mới. Ví dụ, ở Nhật Bản, các lễ kỷ niệm được gọi là tiệc Bonenkai hay tiệc quên năm được tổ chức để gạt bỏ những lo lắng và rắc rối của năm trước. Ở nhiều quốc gia, mọi người đưa ra quyết tâm trong năm mới để thực hiện những thay đổi trong cuộc sống của họ trong năm tới, chẳng hạn như giảm cân, ngừng hút thuốc hoặc học một kỹ năng mới.

### 1. A

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

In many Western nations, the New Year begins after midnight on December 31st.

(Ở nhiều quốc gia phương Tây, năm mới bắt đầu sau nửa đêm ngày 31 tháng 12.)

**Thông tin:** In many Western nations on December 31st, people gather with friends and family to eat, drink and dance in celebration of January 1st.

(Ở nhiều quốc gia phương Tây vào ngày 31 tháng 12, mọi người tụ tập cùng bạn bè và gia đình để ăn uống và khiêu vũ để chào mừng ngày 1 tháng 1.)

Chọn A

### 2. B

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

The New Year in some Asian countries begins on January 21st and finishes on February 21st.

(Năm mới ở một số nước châu Á bắt đầu vào ngày 21 tháng 1 và kết thúc vào ngày 21 tháng 2.)

**Thông tin:** In many Asian countries, including China, Taiwan and Vietnam, the New Year is based on a lunar calendar. Although the date varies every year, it typically falls between January 21st and February 21st.

(Ở nhiều nước châu Á, bao gồm Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam, năm mới được tính theo âm lịch. Mặc dù ngày này thay đổi hàng năm nhưng nó thường rơi vào khoảng từ ngày 21 tháng 1 đến ngày 21 tháng 2.)

Chọn B

### 3. A

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

In Asian countries, people get together with family to welcome the new year.

(Ở các nước châu Á, mọi người quây quần bên gia đình để đón năm mới.)

**Thông tin:** Traditionally, it is seen as a time for family reunions, with people travelling across the country and from overseas.

(Theo truyền thống, đây được coi là thời điểm để đoàn tụ gia đình, với những người đi du lịch khắp đất nước và từ nước ngoài.)

Chọn A

#### 4. A

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

People in Asian countries believe that red clothes bring good luck.

*(Người dân ở các nước châu Á tin rằng quần áo màu đỏ mang lại may mắn.)*

**Thông tin:** Many people wear red clothes since it is believed to be a lucky colour.

*(Nhiều người mặc quần áo màu đỏ vì người ta tin rằng đó là màu may mắn.)*

Chọn A

#### 5. B

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

Japanese people hold a year-end party to chase away bad luck of the past year.

*(Người Nhật tổ chức tiệc tất niên để xua đi những điều xui xẻo trong năm vừa qua.)*

**Thông tin:** In Japan, celebrations known as bonenkai parties or year-forgetting parties are held to put the previous year's worries and troubles behind them.

*(Ở Nhật Bản, các lễ kỷ niệm được gọi là tiệc Bonenkai hay tiệc quên năm được tổ chức để bỏ lại những lo lắng và rắc rối của năm trước.)*

Chọn B

#### Bài nghe 2:

A low carbon meal does not just mean reducing our carbon footprint, but it also involves making sustainable choices that benefit both our health and the planet. With the right approach, we can still enjoy delicious meals while minimising our impact on the environment. The first step should be incorporating more fruits, vegetables, grains and legumes into our diets. By this way, we can significantly reduce the carbon emissions associated with food production. These plant-based options often require fewer resources to produce compared to animal products, making them a more sustainable choice. Furthermore, it's advantageous to choose local and seasonal ingredients whenever possible. Opting for products that are grown locally and in season not only supports local farmers but also mitigates the environmental impact of transportation. Buying locally also guarantees fresher, more flavorful food. The easiest way is perhaps to cut down on our food waste as food waste significantly contributes to greenhouse gas emissions. By planning our meals, using leftovers effectively, and composting food scraps, we can reduce the amount of food that ends up in landfills. Finally, using energy efficient cooking methods such as steaming or stir frying can help minimize energy consumption. Steaming uses the heat from boiling water to cook food evenly and stir frying also quickly cooks food at high temperatures, reducing overall cooking time and energy consumption. In contrast, baking often requires longer cooking times and sustained heat, leading to higher energy use. By following these four simple steps, we can also maintain low carbon meals that are both nutritious and environmentally friendly.

**Tạm dịch:**

Bữa ăn ít carbon không chỉ có nghĩa là giảm lượng khí thải carbon mà còn liên quan đến việc đưa ra những lựa chọn bền vững có lợi cho cả sức khỏe của chúng ta và hành tinh. Với cách tiếp cận phù hợp, chúng ta vẫn có thể thưởng thức những bữa ăn ngon đồng thời giảm thiểu tác động đến môi trường. Bước đầu tiên nên kết hợp nhiều trái cây, rau, ngũ cốc và các loại đậu vào chế độ ăn uống của chúng ta. Bằng cách này, chúng ta có thể giảm đáng kể lượng khí thải carbon liên quan đến sản xuất thực phẩm. Các lựa chọn dựa trên thực vật này thường đòi hỏi ít tài nguyên hơn để sản xuất so với các sản phẩm động vật, khiến chúng trở thành lựa chọn bền vững hơn. Hơn nữa, sẽ thuận lợi hơn nếu bạn chọn nguyên liệu địa phương và theo mùa bất cứ khi nào có thể. Việc lựa chọn các sản phẩm được trồng tại địa phương và theo mùa không chỉ hỗ trợ nông dân địa phương mà còn giảm thiểu tác động môi trường của hoạt động vận tải. Mua tại địa phương cũng đảm bảo thực phẩm tươi hơn, có hương vị ngon hơn. Cách dễ nhất có lẽ là cắt giảm lãng phí thực phẩm vì chất thải thực phẩm góp phần đáng kể vào việc thải khí thải nhà kính. Bằng cách lên kế hoạch cho bữa ăn, sử dụng thức ăn thừa một cách hiệu quả và ủ phân thức ăn thừa, chúng ta có thể giảm lượng thức ăn thải ra bãi rác. Cuối cùng, sử dụng các phương pháp nấu ăn tiết kiệm năng lượng như hấp hoặc xào có thể giúp giảm thiểu mức tiêu thụ năng lượng. Hấp sử dụng nhiệt từ nước sôi để nấu chín đều thức ăn và chiên xào cũng nhanh chóng làm chín thức ăn ở nhiệt độ cao, giảm thời gian nấu tổng thể và tiêu thụ năng lượng. Ngược lại, nướng bánh thường đòi hỏi thời gian nấu lâu hơn và duy trì nhiệt độ cao hơn, dẫn đến sử dụng năng lượng cao hơn. Bằng cách làm theo bốn bước đơn giản này, chúng ta cũng có thể duy trì các bữa ăn ít carbon, vừa bổ dưỡng vừa thân thiện với môi trường.

**6. A****Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:**

Điều này được đề cập như một lợi ích của việc kết hợp nhiều trái cây, rau, ngũ cốc và các loại đậu vào chế độ ăn uống của chúng ta.

- A. Nó giúp giảm lượng khí thải carbon.
- B. Nó giúp chúng ta giảm cân.
- C. Có lẽ nấu ăn dễ hơn nhiều.
- D. Cần ít tiền hơn để mua.

**Thông tin:** The first step should be incorporating more fruits, vegetables, grains and legumes into our diets.

By this way, we can significantly reduce the carbon emissions associated with food production.

*(Bước đầu tiên nên kết hợp nhiều trái cây, rau, ngũ cốc và các loại đậu vào chế độ ăn uống của chúng ta.**Bằng cách này, chúng ta có thể giảm đáng kể lượng khí thải carbon liên quan đến sản xuất thực phẩm.)*

Chọn A

**7. D****Kiến thức:** Nghe hiểu**Giải thích:**

Điều nào sau đây KHÔNG đúng về nguyên liệu địa phương và theo mùa?

- A. Chúng thường đảm bảo độ tươi và hương vị tốt hơn.
- B. Chúng cung cấp hỗ trợ cho nông dân địa phương.
- C. Chúng làm giảm tác động môi trường của giao thông vận tải.
- D. Chúng luôn có sẵn để mua ở các siêu thị địa phương.

**Thông tin:** Opting for products that are grown locally and in season not only supports local farmers but also mitigates the environmental impact of transportation. Buying locally also guarantees fresher, more flavorful food.

*(Việc lựa chọn các sản phẩm được trồng tại địa phương và theo mùa không chỉ hỗ trợ nông dân địa phương mà còn giảm thiểu tác động môi trường của hoạt động vận tải. Mua tại địa phương cũng đảm bảo thực phẩm tươi hơn, có hương vị hơn.)*

Chọn D

## 8. D

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

Hành động nào giúp giảm thiểu lãng phí thực phẩm theo bài nói?

- A. Mua rác thực phẩm từ người khác nếu có thể.
- B. Bảo quản thực phẩm ở khu vực nhà ở có không gian thoáng đãng.
- C. Tìm hiểu nhãn thực phẩm trước khi mua.
- D. Lập kế hoạch bữa ăn và sử dụng thức ăn thừa một cách hiệu quả.

**Thông tin:** By planning our meals, using leftovers effectively, and composting food scraps, we can reduce the amount of food that ends up in landfills.

*(Bằng cách lên kế hoạch cho bữa ăn, sử dụng thức ăn thừa một cách hiệu quả và ủ phân thức ăn thừa, chúng ta có thể giảm lượng thức ăn thải ra bãi rác.)*

Chọn D

## 9. D

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

Lý do chính đằng sau việc sử dụng một số phương pháp nấu ăn cụ thể là gì?

- A. Để chuẩn bị một bữa ăn đàng hoàng cho gia đình.
- B. Sử dụng hiệu quả các nguyên liệu xanh.
- C. Để tiết kiệm thời gian nấu nướng hàng ngày.
- D. Để giảm tiêu thụ năng lượng.

**Thông tin:** Using energy-efficient cooking methods such as steaming or stir-frying can help minimize energy consumption.



(Sử dụng các phương pháp nấu ăn tiết kiệm năng lượng như hấp hoặc xào có thể giúp giảm thiểu mức tiêu thụ năng lượng.)

Chọn D

### 10. B

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

Có thể suy ra điều gì về bữa ăn ít carbon?

- A. Nó chỉ giúp giảm lượng khí thải carbon.
- B. Nó vẫn đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của chúng ta.
- C. Nó sẽ trở nên phổ biến hơn trong bốn năm tới.
- D. Việc áp dụng nó vào cuộc sống hàng ngày không phải là điều dễ dàng.

**Thông tin:** By following these four simple steps, we can also maintain low carbon meals that are both nutritious and environmentally friendly.

(Bằng cách làm theo bốn bước đơn giản này, chúng ta cũng có thể duy trì các bữa ăn ít carbon, vừa bổ dưỡng vừa thân thiện với môi trường.)

Chọn B

### 11. B

**Kiến thức:** Phát âm “a”

**Giải thích:**

- A. staple /'steɪpəl/
- B. attack /ə'tæk/
- C. tasty /'teɪsti/
- D. animated /'æniˌmeɪtɪd/

Phần được gạch chân ở phương án B được phát âm /æ/, các phương án còn lại phát âm /eɪ/.

Chọn B

### 12. C

**Kiến thức:** Phát âm “o”

**Giải thích:**

- A. eco-friendly /iːkoʊ'frendli/
- B. globalization /glɒbələ'zeɪʃən/
- C. confusion /kən'fjuːʒən/
- D. decompose /di:kəm'pəʊz/

Phần được gạch chân ở phương án C được phát âm /ə/, các phương án còn lại phát âm /oʊ/.

Chọn C

### 13. D

**Kiến thức:** Trọng âm từ có 4 âm tiết

**Giải thích:**

- A. intelligent /ɪn'telɪdʒənt/
- B. appreciate /ə'pri:ʃiət/
- C. reusable /ri'ju:zəbl/
- D. visionary /'vɪʒənəri/

Phương án D có trọng âm 1, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn D

#### 14. A

**Kiến thức:** Trọng âm từ có 4 âm tiết

**Giải thích:**

- A. integration /ɪntrɪ'greɪʃən/
- B. particular /pər'tɪkjələr/
- C. traditional /trə'dɪʃənəl/
- D. identity /aɪ'dentɪti/

Phương án A có trọng âm 3, các phương án còn lại có trọng âm 2.

Chọn A

#### 15. B

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

- A. identity (n): danh tính
- B. cuisine (n): ẩm thực
- C. festivity (n): lễ hội
- D. costume (n): trang phục

A region's **cuisine** is partly shaped by its climate, which determines the raw materials that are available to the cook.

*(Ẩm thực của một vùng được hình thành một phần bởi khí hậu, yếu tố quyết định nguyên liệu thô có sẵn cho người nấu.)*

Chọn B

#### 16. A

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

- A. packaging (n): bao bì
- B. marketing (n): tiếp thị
- C. distribution (n): phân phối
- D. branding (n): thương hiệu

The new environmentally-friendly **packaging** design aims to reduce plastic waste and promote sustainable practices.

*(Thiết kế bao bì mới thân thiện với môi trường nhằm mục đích giảm rác thải nhựa và thúc đẩy các hoạt động bền vững.)*

Chọn A

### 17. B

**Kiến thức:** Chia thì động từ

**Giải thích:**

Cấu trúc diễn tả hai hành động cùng diễn ra trong quá khứ nối với nhau bằng “while” (*trong khi*), hành động xảy ra liên tục kéo dài dùng thì quá khứ tiếp diễn, hành động ngắn chen ngang dùng thì quá khứ đơn: S + V2/ed + while + S + was / were + V-ing.

We **discovered** an informative book on Japanese customs while we were exploring our school library.

*(Chúng tôi phát hiện ra một cuốn sách giàu thông tin về phong tục Nhật Bản khi chúng tôi đang khám phá thư viện trường học.)*

Chọn B

### 18. B

**Kiến thức:** Mạo từ

**Giải thích:**

Trước danh từ chỉ nghề nghiệp bắt đầu bằng phụ âm “journalist” (*nhà báo*) dùng mạo từ “a”.

Trước số thứ tự “only” (*duy nhất*) dùng mạo từ “the”.

He started his career 20 years ago as **a** journalist, and today he's **the** only editor-in-chief of a newspaper.

*(Ông bắt đầu sự nghiệp của mình cách đây 20 năm với tư cách là một nhà báo và hiện nay ông là tổng biên tập duy nhất của tờ báo.)*

Chọn B

### 19. A

**Kiến thức:** Đại từ quan hệ

**Giải thích:**

A. which: cái mà, điều mà => thay cho danh từ chỉ vật, đóng vai trò chủ ngữ hoặc tân ngữ trong mệnh đề quan hệ hoặc thay cho cả mệnh đề phía trước

B. with which: với cái mà

C. that: cái mà => không dùng trong mệnh đề quan hệ không xác định

D. what: cái gì

=> Sử dụng “which” thay cho cả mệnh đề phía trước “Bicycling instead of driving cars is becoming increasingly popular”

Bicycling instead of driving cars is becoming increasingly popular, **which** helps decrease carbon emissions and promotes a healthier lifestyle.



(Đi xe đạp thay vì lái ô tô ngày càng trở nên phổ biến, điều mà giúp giảm lượng khí thải carbon và thúc đẩy lối sống lành mạnh hơn.)

Chọn A

## 20. C

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. recycle (v): tái chế

B. unrecyclable (adj): không thể tái chế

C. recyclable (adj): có thể tái chế

D. recycling (V-ing): tái chế

Trước danh từ “packs” (bao bì) cần một tính từ bổ nghĩa.

When shopping, we should opt for products with minimal packaging or **recyclable** larger packs instead of multiple small ones.

(Khi mua sắm, chúng ta nên lựa chọn những sản phẩm có bao bì tối giản hoặc những gói lớn hơn có thể tái chế thay vì nhiều gói nhỏ.)

Chọn C

## 21. A

**Kiến thức:** Đại từ quan hệ

**Giải thích:**

A. which: cái mà => thay cho cả mệnh đề phía trước

B. that: cái mà => không dùng trong mệnh đề quan hệ không xác định

C. who: người mà => thay cho danh từ chỉ người

D. why: tại sao

=> Sử dụng “which” thay cho cả mệnh đề “it is important to repair items, donate or sell unwanted goods rather than throw them away”

Additionally, it is important to repair items, donate or sell unwanted goods rather than throw them away, **which** can minimise our household waste.

(Ngoài ra, điều quan trọng là sửa chữa đồ đạc, quyên góp hoặc bán những món đồ không dùng nữa thay vì vứt chúng đi, điều này có thể giảm thiểu rác thải sinh hoạt của chúng ta.)

Chọn A

## 22. A

**Kiến thức:** Cụm động từ

**Giải thích:**

A. make use of (phr.v): tận dụng

B. lose sight of (phr.v): mất dấu, không để ý đến

C. make sense of (phr.v): lý giải

D. get rid of (phr.v): vứt bỏ

Furthermore, wet waste like fruit peels and tea leaves should be kept in a separate bin as we can **make use of** them as nutrient-rich compost in our garden.

(Hơn nữa, rác thải ướt như vỏ trái cây và lá trà nên được giữ trong một thùng riêng vì chúng ta có thể tận dụng chúng làm phân trộn giàu dinh dưỡng trong vườn của mình.)

Chọn A

### Bài hoàn chỉnh:

Several methods could be adopted to manage our household waste. When shopping, we should opt for products with minimal packaging or (20) **recyclable** larger packs instead of multiple small ones. Additionally, it is important to repair items, donate or sell unwanted goods rather than throw them away, (21) **which** can minimise our household waste. Furthermore, wet waste like fruit peels and tea leaves should be kept in a separate bin as we can (22) **make use of** them as nutrient-rich compost in our garden.

### Tạm dịch:

Một số phương pháp có thể được áp dụng để quản lý rác thải sinh hoạt của chúng ta. Khi mua sắm, chúng ta nên chọn những sản phẩm có bao bì tối giản hoặc gói lớn hơn (20) có thể tái chế thay vì nhiều gói nhỏ. Ngoài ra, điều quan trọng là sửa chữa đồ đạc, tặng hoặc bán những đồ vật không dùng nữa thay vì vứt chúng đi, (21) điều này có thể giảm thiểu rác thải sinh hoạt của chúng ta. Hơn nữa, chất thải ướt như vỏ trái cây và lá trà nên được giữ trong một thùng riêng vì chúng ta có thể (22) tận dụng chúng làm phân trộn giàu dinh dưỡng trong vườn của mình.

### 23. A

**Kiến thức:** Từ vựng

### Giải thích:

A. spring (v): nảy ra

B. leap (v): nhảy qua

C. spark (v): phát tia lửa

D. jump (v): nhảy

Cụm từ “spring to life” (*hiện ra*)

Dive into the colourful realm of Vietnamese art as his masterpieces **spring** to life before your eyes.

(Hòa mình vào thế giới đầy màu sắc của nghệ thuật Việt Nam khi những kiệt tác của anh hiện lên sống động trước mắt bạn.)

Chọn A

### 24. B

**Kiến thức:** Mạo từ

### Giải thích:

Trước danh từ đã xác định “essence of a bygone era” (*bản chất của một thời đại đã qua*) => dùng mạo từ “the”

From bustling streets to serene landscapes, his paintings capture **the** essence of a bygone era with unparalleled elegance.

(Từ những con phố nhộn nhịp đến những phong cảnh thanh bình, những bức tranh của ông ghi lại bản chất của một thời đại đã qua với sự sang trọng vô song.)

Chọn B

### 25. C

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. dull (adj): buồn tẻ

B. contemporary (adj): đương đại

C. colourful (adj): đầy màu sắc

D. terrified (adj): kinh hãi

Join us for an unforgettable journey through **colourful** artistic legacy of Bui Xuan Phai.

(Hãy cùng chúng tôi có một hành trình khó quên qua di sản nghệ thuật đầy màu sắc của Bùi Xuân Phái.)

Chọn C

### Bài hoàn chỉnh

Timeless splendour: Unveiling Bui Xuan Phai's masterpieces

Discover the soulful strokes of Bui Xuan Phai at our exclusive exhibition! Dive into the colourful realm of Vietnamese art as his masterpieces (23) **spring** to life before your eyes. From bustling streets to serene landscapes, his paintings capture (24) **the** essence of a bygone era with unparalleled elegance.

Join us for an unforgettable journey through (25) **colourful** artistic legacy of Bui Xuan Phai. Admission is free, and all art enthusiasts are welcome to attend!

For more information, please contact us on [info@artistryvn.com](mailto:info@artistryvn.com).

### Tạm dịch

Vẻ đẹp vượt thời gian: Hé lộ kiệt tác của Bùi Xuân Phái

Khám phá những nét vẽ có hồn của Bùi Xuân Phái tại triển lãm độc quyền của chúng tôi! Hòa mình vào thế giới đầy màu sắc của nghệ thuật Việt Nam khi những kiệt tác của ông (23) hiện lên sống động trước mắt bạn.

Từ những con phố nhộn nhịp đến những phong cảnh thanh bình, những bức tranh của ông nắm bắt được (24) bản chất của một thời đại đã qua với sự sang trọng vô song.

Hãy tham gia cùng chúng tôi để có một cuộc hành trình khó quên qua di sản nghệ thuật (25) đầy màu sắc của Bùi Xuân Phái. Vào cửa miễn phí và chào đón tất cả những người đam mê nghệ thuật đến tham dự!

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ [info@artistryvn.com](mailto:info@artistryvn.com).

### 26. B

**Kiến thức:** Đại từ quan hệ

**Giải thích:**

A. who: người mà => thay cho danh từ chỉ người, đóng vai trò chủ ngữ hoặc tân ngữ trong mệnh đề quan hệ

B. where: nơi mà => thay cho danh từ chỉ địa điểm (where + S + V)

C. which: cái mà => thay cho danh từ chỉ vật, đóng vai trò chủ ngữ hoặc tân ngữ trong mệnh đề quan hệ

D. that: cái mà => không dùng trong mệnh đề quan hệ không xác định

=> Dùng “where” thay cho “The United Kingdom”

The United Kingdom stands as a beacon of cultural richness, **where** diverse traditions, languages, and customs intertwine to shape its identity.

*(Vương quốc Anh được coi là biểu tượng của sự giàu có về văn hóa, nơi các truyền thống, ngôn ngữ và phong tục đa dạng đan xen để hình thành nên bản sắc của đất nước.)*

Chọn B

27. A

**Kiến thức:** Giới từ

**Giải thích:**

A. At: tại

B. To: tới

C. In: trong

D. From: từ

Cụm từ “at the core of” (*cốt lõi của*)

At the core of this multicultural landscape lies immigration - a force that has sculpted the UK's societal fabric over the years.

*(Cốt lõi của bối cảnh đa văn hóa này nằm ở vấn đề nhập cư - một lực lượng đã tạo nên cơ cấu xã hội của Vương quốc Anh trong nhiều năm qua.)*

Chọn A

28. A

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. diversity (n): sự đa dạng

B. diversely (adv): một cách đa dạng

C. diverse (adj): đa dạng

D. diversification (n): sự đa dạng hóa

Sau giới từ “of” cần một danh từ.

The influx of immigrants has infused the nation with a dynamic blend of traditions, languages, and ideologies, painting a portrait of **diversity** unparalleled elsewhere.

(Dòng người nhập cư đã truyền vào đất nước sự pha trộn năng động giữa truyền thống, ngôn ngữ và hệ tư tưởng, về nên một bức chân dung về sự đa dạng chưa từng có ở nơi nào khác.)

Chọn A

### 29. C

**Kiến thức:** Liên từ

**Giải thích:**

A. and: và

B. so: nên

C. yet: nhưng

D. although: mặc dù

In the words of Winston Churchill, the UK finds itself entwined with Europe **yet** remains steadfast in preserving its distinct identity.

(Theo lời của Winston Churchill, Vương quốc Anh thấy mình gắn bó với châu Âu nhưng vẫn kiên định giữ gìn bản sắc riêng biệt của mình.)

Chọn C

### 30. B

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. puzzle (n): câu đố

B. mosaic (n): thếp khảm

C. festival (n): lễ hội

D. event (n): sự kiện

As we navigate the complexities of a globalised world, let us celebrate the myriad cultures that contribute to the vibrant **mosaic** of the United Kingdom.

(Khi chúng ta điều hướng sự phức tạp của một thế giới toàn cầu hóa, chúng ta hãy tôn vinh vô số nền văn hóa góp phần tạo nên bức tranh thếp khảm rực rỡ của Vương quốc Anh.)

Chọn B

**Bài hoàn chỉnh:**

#### Embracing Diversity: The Heart of the UK

The United Kingdom stands as a beacon of cultural richness, (26) **where** diverse traditions, languages, and customs intertwine to shape its identity. With open arms, the nation welcomes immigrants, fostering a vibrant tapestry of cultural exchange that defines its essence.

(27) **At** the core of this multicultural landscape lies immigration - a force that has sculpted the UK's societal fabric over the years. The influx of immigrants has infused the nation with a dynamic blend of traditions, languages, and ideologies, painting a portrait of (28) **diversity** unparalleled elsewhere.



In the words of Winston Churchill, the UK finds itself entwined with Europe (29) **yet** remains steadfast in preserving its distinct identity. This sentiment underscores the importance of embracing diverse cultures while upholding the essence of British heritage.

As we navigate the complexities of a globalised world, let us celebrate the myriad cultures that contribute to the vibrant (30) **mosaic** of the United Kingdom. It is through unity in diversity that we truly embody the spirit of inclusivity and progress.

### Tạm dịch:

*Ôm lấy sự đa dạng: Trái tim của Vương quốc Anh*

*Vương quốc Anh được coi là ngọn hải đăng của sự giàu có về văn hóa, (26) nơi các truyền thống, ngôn ngữ và phong tục đa dạng đan xen để hình thành nên bản sắc của nó. Với vòng tay rộng mở, đất nước chào đón những người nhập cư, nuôi dưỡng một tâm thâm trao đổi văn hóa sôi động, tạo nên bản chất của nó.*

*(27) Cốt lõi của bối cảnh đa văn hóa này nằm ở vấn đề nhập cư - một lực lượng đã tạo nên cơ cấu xã hội của Vương quốc Anh trong nhiều năm qua. Dòng người nhập cư đã truyền tải cho quốc gia một sự pha trộn năng động của truyền thống, ngôn ngữ và hệ tư tưởng, vẽ nên một bức chân dung về (28) sự đa dạng chưa từng có ở nơi nào khác.*

*Theo lời của Winston Churchill, Vương quốc Anh thấy mình gắn bó với châu Âu (29) nhưng vẫn kiên định giữ gìn bản sắc riêng biệt của mình. Tình cảm này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đón nhận các nền văn hóa đa dạng đồng thời đề cao bản chất di sản của Anh.*

*Khi chúng ta điều hướng sự phức tạp của một thế giới toàn cầu hóa, chúng ta hãy tôn vinh vô số nền văn hóa góp phần tạo nên bức tranh (30) thể khảm rực rỡ của Vương quốc Anh. Chính nhờ sự thống nhất trong đa dạng mà chúng tôi thực sự thể hiện tinh thần hòa nhập và tiến bộ.*

### 31. C

**Kiến thức:** Liên từ

**Giải thích:**

A. Whereas their fame can come from a well-off background

*(Trong khi sự nổi tiếng của họ có thể đến từ một nền tảng khá giả)*

B. Despite being renowned for having a well-off background

*(Dù nổi tiếng vì có gia cảnh khá giả)*

C. Although not all famous people have a well-off background

*(Mặc dù không phải người nổi tiếng nào cũng có gia cảnh khá giả)*

D. As famous people have a well-off background

*(Là người nổi tiếng có gia cảnh khá giả)*

**Although not all famous people have a well-off background**, many of them had lives that are just like ours, having normal jobs before becoming well-known.

*(Dù không phải người nổi tiếng nào cũng có xuất thân khá giả nhưng nhiều người trong số họ cũng có cuộc sống giống chúng ta, làm công việc bình thường trước khi nổi tiếng.)*

Chọn C

**32. D**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. showed him how to be

*(chỉ cho anh ấy cách trở thành)*

B. meant to him taking

*(có ý định cho anh ta lấy)*

C. kept him from taking

*(giữ anh ta không lấy)*

D. taught him how to take

*(dạy anh cách lấy)*

He said the job was quite hard, but it also **taught him how to take** responsibility, work hard and strike a balance between work, friends and family.

*(Anh cho biết công việc khá vất vả nhưng cũng dạy anh cách chịu trách nhiệm, làm việc chăm chỉ và cân bằng giữa công việc, bạn bè và gia đình.)*

Chọn D

**33. D**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. wearing in chicken clothes

*(mặc quần áo gà)*

B. trying on chicken disguise

*(thử hóa trang thành gà)*

C. putting on as a chicken

*(mặc như gà)*

D. dressing up like a chicken

*(ăn mặc như một con gà)*

When he was younger, Brad Pitt had a weird job, **dressing up like a chicken** and waving at the cars on the road.

*(Khi còn trẻ, Brad Pitt có một công việc kỳ lạ là ăn mặc như gà và vẫy tay chào xe cộ trên đường.)*

Chọn D

**34. A**

**Kiến thức:** Mệnh đề quan hệ

**Giải thích:**

A. where Brad used to work

(nơi Brad từng làm việc)

B. which Brad worked

(cái mà Brad đã làm việc)

C. who paid Brad to work

(người đã trả tiền cho Brad để làm việc)

D. that Brad once worked

(cái mà Brad đã từng làm việc)

In fact, if you go on a See the Stars tour in Hollywood, the restaurant **where Brad used to work** will be one of the stops.

(Trên thực tế, nếu bạn tham gia chuyến tham quan See the Stars ở Hollywood, nhà hàng nơi Brad từng làm việc sẽ là một trong những điểm dừng chân.)

Chọn A

**35. D**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. such strange paths in life

(những con đường đời lạ lùng)

B. stranger paths of life

(những con đường đời xa lạ)

C. less strange paths of life

(đường đời ít lạ hơn)

D. the strangest paths in life

(những con đường kỳ lạ nhất trong cuộc đời)

Pope Francis probably has **the strangest paths in life**.

(Đức Thánh Cha Phanxicô có lẽ có những con đường kỳ lạ nhất trong cuộc đời.)

Chọn D

**36. D**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. could work as a cleaner in a restaurant

(có thể làm công việc dọn dẹp trong nhà hàng)

B. would be a restaurant cleaner

(sẽ là người dọn dẹp nhà hàng)

C. had to clean a restaurant

(đã phải dọn dẹp một nhà hàng)

D. used to be a cleaner in a restaurant

*(từng là người dọn dẹp trong một nhà hàng)*

He **used to be a cleaner in a restaurant**, a chemical tester at a laboratory and, perhaps among the most surprising, a bouncer at a nightclub!

*(Anh ta từng là người quét dọn trong một nhà hàng, người thử nghiệm hóa học trong phòng thí nghiệm và có lẽ là một trong những người đáng ngạc nhiên nhất, nhân viên bảo vệ ở hộp đêm!)*

Chọn D

### **Bài hoàn chỉnh:**

(31) **Although not all famous people have a well-off background**, many of them had lives that are just like ours, having normal jobs before becoming well-known.

The 44th US President, Obama, as a high school student in Honolulu, Hawaii, worked at an ice-cream parlour selling ice-cream cones. He said the job was quite hard, but it also (32) **taught him how to take** responsibility, work hard and strike a balance between work, friends and family.

When he was younger, Brad Pitt had a weird job, (33) **dressing up like a chicken** and waving at the cars on the road. He worked at a restaurant called El Pollo Loco in Hollywood. In fact, if you go on a See the Stars tour in Hollywood, the restaurant (34) **where Brad used to work** will be one of the stops.

Pope Francis probably has (35) **the strangest paths in life**. In his early life in Argentina, he had a number of jobs before devoting himself to religion. He (36) **used to be a cleaner in a restaurant**, a chemical tester at a laboratory and, perhaps among the most surprising, a bouncer at a nightclub! Can you imagine the pope standing at the entrance of a bar, responsible for security in case anything wrong happened?

### **Tạm dịch:**

*(31) Dù không phải người nổi tiếng nào cũng có xuất thân khá giả nhưng nhiều người trong số họ cũng có cuộc sống giống chúng ta, làm nghề bình thường trước khi nổi tiếng.*

*Tổng thống thứ 44 của Hoa Kỳ, Obama, khi còn là học sinh trung học ở Honolulu, Hawaii, đã làm việc tại một tiệm kem bán kem ốc quế. Anh cho biết công việc này khá vất vả nhưng cũng (32) dạy anh cách chịu trách nhiệm, làm việc chăm chỉ và cân bằng giữa công việc, bạn bè và gia đình.*

*Khi còn trẻ, Brad Pitt có một công việc kỳ lạ, (33) ăn mặc như một con gà và vẫy tay chào những chiếc ô tô trên đường. Anh ấy làm việc tại một nhà hàng tên là El Pollo Loco ở Hollywood. Trên thực tế, nếu bạn tham gia chuyến tham quan See the Stars ở Hollywood, nhà hàng (34) nơi Brad từng làm việc sẽ là một trong những điểm dừng chân.*

*Đức Thánh Cha Phanxicô có lẽ có (35) con đường kỳ lạ nhất trong cuộc đời. Trong thời gian đầu ở Argentina, ông đã làm một số công việc trước khi cống hiến hết mình cho tôn giáo. Ông ấy (36) từng là người quét dọn trong một nhà hàng, người thử nghiệm hóa học trong phòng thí nghiệm và có lẽ là một trong những người đáng ngạc nhiên nhất, nhân viên bảo vệ ở hộp đêm! Bạn có thể tưởng tượng giáo hoàng đứng ở lối vào một quán bar, chịu trách nhiệm về an ninh trong trường hợp có điều gì sai trái xảy ra không?*

### **37. A**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Đoạn văn chủ yếu nói về điều gì?

- A. Người Hàn Quốc ăn mừng lễ Chuseok như thế nào?
- B. Nguồn gốc lịch sử của lễ Chuseok.
- C. Chuseok đã thay đổi như thế nào trong những năm qua.
- D. Ảnh hưởng của lễ Chuseok tới xã hội Hàn Quốc.

**Thông tin:** One of the most significant festivals in the Korean calendar is Chuseok. It takes place in the 8th lunar month on the night of the full moon - Chuseok, like Thanksgiving and Lunar New Year, is a time for families to reconnect with past traditions and spend time together.

*(Một trong những lễ hội quan trọng nhất trong lịch Hàn Quốc là Chuseok. Nó diễn ra vào đêm rằm tháng 8 âm lịch - Chuseok, giống như Lễ tạ ơn và Tết Nguyên đán, là thời gian để các gia đình kết nối lại những truyền thống đã qua và dành thời gian bên nhau.)*

Chọn A

**38. D**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Mọi người ăn mừng gì trong lễ Chuseok?

- A. Một trò chơi truyền thống.
- B. Người thân đã qua đời.
- C. Hôn nhân và con cái.
- D. Một vụ thu hoạch lớn.

**Thông tin:** It's also an occasion to celebrate nature and a bumper crop it has bestowed upon them.

*(Đây cũng là dịp để tôn vinh thiên nhiên và một vụ mùa bội thu mà thiên nhiên đã ban tặng cho họ.)*

Chọn D

**39. A**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Từ "bestowed upon" ở đoạn 4 gần nghĩa nhất với \_\_\_\_\_.

- A. cho
- B. nộp
- C. thu được
- D. suy ra

bestowed upon = given (v): cho, ban tặng

**Thông tin:** It's also an occasion to celebrate nature and a bumper crop it has **bestowed upon** them."

*(Đây cũng là dịp để tôn vinh thiên nhiên và một vụ mùa bội thu mà thiên nhiên đã ban tặng cho họ.)*

Chọn A



**40. B****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Tại sao người Hàn Quốc có ngày nghỉ làm trước lễ Chuseok?

- A. Để ăn mừng vụ thu hoạch.
- B. Để đi du lịch về quê hương của họ.
- C. Dành thời gian cho gia đình.
- D. Để chuẩn bị cho lễ hội.

**Thông tin:** People who have relocated come back to their rural hometowns to celebrate together. Before and after Chuseok, the government gives everyone a day off from work. Many people spend those days travelling, so the roads are congested during this period.

*(Những người đã dời đi cũng trở về quê để cùng nhau ăn mừng. Trước và sau lễ Chuseok, chính phủ cho mọi người nghỉ làm một ngày. Nhiều người dành những ngày đó để đi chuyển nên đường sá tắc nghẽn trong thời gian này)*

Chọn B

**41. C****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Điều nào sau đây KHÔNG phải là một phần của lễ kỷ niệm Chuseok?

- A. Chơi các trò chơi truyền thống.
- B. Làm bánh gạo hình bán nguyệt
- C. Trao đổi quà tặng với gia đình và bạn bè.
- D. Thăm mộ tổ tiên.

**Thông tin:** Using fresh rice from the latest harvest, ladies make songpyeon - half-moon shaped rice cakes with sweet fillings. - In the morning, families put food offerings on a special table dedicated to their ancestors, and then visit their graves. - Later on, they play traditional games

*(Sử dụng gạo tươi từ vụ thu hoạch mới nhất, các quý cô làm songpyeon - loại bánh gạo hình bán nguyệt với nhân ngọt ngào. - Buổi sáng, các gia đình bày đồ ăn lên bàn đặc biệt để tưởng nhớ tổ tiên, sau đó đi viếng mộ. - Sau đó, họ chơi các trò chơi truyền thống)*

Chọn C

**Tạm dịch bài đọc:**

Một trong những lễ hội quan trọng nhất trong lịch Hàn Quốc là Chuseok. Nó diễn ra vào ngày rằm tháng 8 âm lịch. Chuseok là thời điểm mọi người bày tỏ lòng biết ơn và lòng kính trọng đối với tổ tiên. Đây cũng là dịp để tôn vinh thiên nhiên và một vụ mùa bội thu mà thiên nhiên đã ban tặng cho họ.

Nhiều người Hàn Quốc hiện đang sống và làm việc tại các thành phố lớn như Seoul. Những người đã dời đi cũng về quê để cùng nhau ăn mừng. Trước và sau lễ Chuseok, chính phủ cho mọi người một ngày nghỉ

phép. Nhiều người dành những ngày đó để di chuyển nên đường sá bị tắc nghẽn trong thời gian này. Một cuộc hành trình kéo dài hai giờ có thể dễ dàng biến thành sáu giờ!

Vào ngày trước lễ Chuseok, mọi người dọn dẹp nhà cửa và chuẩn bị đồ ăn cho các buổi lễ và bữa tối gia đình. Sử dụng gạo tươi từ vụ thu hoạch mới nhất, các quý cô làm songpyeon - loại bánh gạo hình bán nguyệt với nhân ngọt ngào. Vào ngày Chuseok, mọi người cố gắng ăn mặc đẹp và mặc trang phục truyền thống như hanbok. Trong buổi sáng, các gia đình bày đồ ăn lên một chiếc bàn đặc biệt dành riêng cho tổ tiên rồi đi viếng mộ. Sau đó, họ chơi các trò chơi truyền thống như yut nori (trò chơi ném gậy) và hwa-tu (trò chơi bài). Đêm rằm, cả gia đình ở ngoài trời, ăn uống đến khuya. Vào ngày thứ ba, mọi người thường trở về nhà và sẵn sàng bắt đầu đi làm hoặc đi học trở lại.

Chuseok, giống như Lễ tạ ơn và Tết Nguyên đán, là thời gian để các gia đình kết nối lại với những truyền thống và năm xưa và dành thời gian bên nhau.

#### 42. B

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Tiêu đề tốt nhất cho đoạn văn có thể là gì?

- A. Tác động môi trường của lệnh cấm nhựa ở New South Wales
- B. Sự gia tăng của ống hút giấy: Giải pháp hay vấn đề mới?
- C. Những thách thức về môi trường ở New South Wales
- D. Sự gia tăng của ống hút giấy ở cảng Sydney

**Thông tin:** According to data collected, there has been a significant decrease in the presence of plastic straws, which can be attributed to the ban on single-use plastics implemented by the New South Wales government in 2022. However, there has been a corresponding increase in the use of paper straws, indicating a shift rather than a complete elimination of straw-related pollution.

(Theo dữ liệu thu thập được, số lượng ống hút nhựa đã giảm đáng kể, nguyên nhân có thể là do lệnh cấm sử dụng nhựa dùng một lần do chính phủ New South Wales thực hiện vào năm 2022. Tuy nhiên, số lượng ống hút giấy cũng có sự gia tăng tương ứng với việc sử dụng ống hút giấy, cho thấy sự thay đổi hơn là loại bỏ hoàn toàn ô nhiễm liên quan đến ống hút.)

Chọn B

#### 43. D

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Lý do chính khiến việc sử dụng ống hút nhựa ở Cảng Sydney giảm sút là gì?

- A. Nhu cầu sử dụng ống hút giấy của người tiêu dùng ngày càng tăng.
- B. Các chiến dịch nâng cao nhận thức.
- C. Việc đưa ra các vật liệu rom thay thế.
- D. Việc thực hiện lệnh cấm sử dụng đồ nhựa dùng một lần.

**Thông tin:** According to data collected, there has been a significant decrease in the presence of plastic straws, which can be attributed to the ban on single-use plastics implemented by the New South Wales government in 2022.

(Theo dữ liệu thu thập được, số lượng ống hút nhựa đã giảm đáng kể, nguyên nhân có thể là do lệnh cấm sử dụng nhựa dùng một lần do chính phủ New South Wales thực hiện vào năm 2022.)

Chọn D

#### 44. A

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Từ "it" ở đoạn 2 đề cập đến \_\_\_\_\_.

- A. lệnh cấm sử dụng đồ nhựa dùng một lần
- B. lệnh cấm sử dụng ống hút nhựa
- C. thúc đẩy tính bền vững
- D. chính phủ New South Wales

**Thông tin:** Environment Minister James Griffin initiated a ban to reduce plastic waste and promote sustainability. Although **it** has resulted in less plastic straw usage, the increase in paper straw consumption poses new challenges for nature repair and conservation efforts in the area.

(Bộ trưởng Môi trường James Griffin đã khởi xướng lệnh cấm nhằm giảm thiểu rác thải nhựa và thúc đẩy tính bền vững. Mặc dù điều này dẫn đến việc sử dụng ít ống hút nhựa hơn nhưng việc tiêu thụ ống hút giấy ngày càng tăng đặt ra những thách thức mới cho các nỗ lực phục hồi và bảo tồn thiên nhiên trong khu vực.)

Chọn A

#### 45. C

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Theo đoạn văn, mối quan tâm chính liên quan đến việc tăng cường sử dụng ống hút giấy là gì?

- A. Khó khăn trong sản xuất.
- B. Hiệu quả chi phí.
- C. Ô nhiễm do thải bỏ không đúng cách.
- D. Thiếu sự sẵn có.

**Thông tin:** Paper straws, though more biodegradable than their plastic counterparts, still contribute to pollution if not disposed of properly.

(Ống hút giấy dù dễ phân hủy sinh học hơn ống hút nhựa nhưng vẫn góp phần gây ô nhiễm nếu không được xử lý đúng cách.)

Chọn C

#### 46. D

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Điều nào sau đây KHÔNG đúng theo đoạn văn?

- A. Lệnh cấm sử dụng nhựa dùng một lần đã làm tăng lượng tiêu thụ ống hút giấy.
- B. Năm 2022, chính phủ New South Wales thi hành lệnh cấm sử dụng đồ nhựa dùng một lần.
- C. Việc tiêu thụ ống hút nhựa và giấy có thể ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu du lịch.
- D. Ống hút giấy là lựa chọn thay thế hoàn hảo cho ống hút nhựa vì chúng thân thiện với môi trường.

**Thông tin:** According to data collected, there has been a significant decrease in the presence of plastic straws, which can be attributed to the ban on single-use plastics implemented by the New South Wales government in 2022. However, there has been a corresponding increase in the use of paper straws. - There are concerns regarding the impact of both plastic and paper straws on marine life and the potential consequences for tourism revenue due to a decline in Sydney Harbour's aesthetic appeal.

*(Theo dữ liệu thu thập được, số lượng ống hút nhựa đã giảm đáng kể, nguyên nhân có thể là do lệnh cấm sử dụng nhựa dùng một lần do chính phủ New South Wales thực hiện vào năm 2022. Tuy nhiên, số lượng ống hút giấy cũng có sự gia tăng tương ứng về việc sử dụng ống hút giấy. - Có những lo ngại về tác động của cả ống hút nhựa và giấy đối với sinh vật biển và những hậu quả tiềm tàng đối với doanh thu du lịch do sự suy giảm tính thẩm mỹ của Cảng Sydney.)*

Chọn D

**47. B**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Điều gì có thể được suy ra từ đoạn văn?

- A. Những nỗ lực bảo tồn chỉ nên tập trung vào việc giảm sử dụng ống hút nhựa.
- B. Sự thay đổi về vật liệu có thể đòi hỏi phải tập trung vào việc giáo dục công chúng về các phương pháp xử lý thích hợp.
- C. Sự thay đổi về vật liệu không ảnh hưởng đến nhận thức của công chúng hoặc các nỗ lực bảo tồn.
- D. Sự thay đổi về vật liệu đã dẫn đến việc loại bỏ hoàn toàn những lo ngại về ô nhiễm ở Cảng Sydney.

48. Tác giả có thái độ như thế nào đối với lệnh cấm sử dụng đồ nhựa dùng một lần và tác động của nó?

**Thông tin:** However, conservation efforts must now focus on educating the public about proper disposal methods for all types of straws.

*(Tuy nhiên, nỗ lực bảo tồn hiện nay phải tập trung vào việc giáo dục công chúng về các phương pháp xử lý thích hợp đối với tất cả các loại ống hút.)*

Chọn B

**48. A**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Thái độ của tác giả đối với lệnh cấm sử dụng đồ nhựa dùng một lần và tác động của nó như thế nào?

- A. Trung lập.
- B. Thờ ơ.
- C. Hỗ trợ.
- D. Phản biện.

Chọn A

### Tạm dịch:

Trong thời gian gần đây, đã có sự thay đổi đáng chú ý về các loại ô nhiễm ở Cảng Sydney, đặc biệt là liên quan đến ống hút. Theo dữ liệu thu thập được, số lượng ống hút nhựa đã giảm đáng kể, nguyên nhân có thể là do lệnh cấm sử dụng nhựa dùng một lần do chính phủ New South Wales thực hiện vào năm 2022. Tuy nhiên, số lượng ống hút nhựa cũng có sự gia tăng tương ứng với việc sử dụng ống hút giấy, cho thấy sự thay đổi hơn là loại bỏ hoàn toàn ô nhiễm liên quan đến ống hút.

Bộ trưởng Môi trường James Griffin đã khởi xướng lệnh cấm nhằm giảm thiểu rác thải nhựa và thúc đẩy tính bền vững. Mặc dù điều này dẫn đến việc sử dụng ít ống hút nhựa hơn nhưng việc tiêu thụ ống hút giấy ngày càng tăng đặt ra những thách thức mới cho các nỗ lực phục hồi và bảo tồn thiên nhiên trong khu vực.

Ống hút giấy, mặc dù có khả năng phân hủy sinh học cao hơn so với ống hút nhựa, nhưng vẫn góp phần gây ô nhiễm nếu không được xử lý đúng cách. Sự thay đổi về vật liệu này có thể ảnh hưởng đến nhận thức của công chúng, khiến một số cá nhân tin rằng họ đang đưa ra những lựa chọn thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, nỗ lực bảo tồn hiện nay phải tập trung vào việc giáo dục công chúng về các phương pháp xử lý thích hợp đối với tất cả các loại ống hút.

Ngoài ra, sự gia tăng ô nhiễm ống hút giấy có thể đòi hỏi phải thay đổi chiến lược làm sạch và đánh giá lại những gì tạo nên giải pháp thay thế thực sự bền vững. Hơn nữa, có những lo ngại về tác động của cả ống hút nhựa và giấy đối với sinh vật biển và những hậu quả tiềm tàng đối với doanh thu du lịch do sức hấp dẫn thẩm mỹ của Cảng Sydney suy giảm.

Sự thay đổi xu hướng ô nhiễm này nêu bật sự cần thiết phải có một cách tiếp cận toàn diện để bảo vệ môi trường. Cách tiếp cận này nên tập trung vào việc giảm sử dụng nhựa, cũng như sử dụng và xử lý các vật liệu khác một cách có trách nhiệm. Các nhà hoạch định chính sách có thể phải xem xét lại các quy định và chính sách quản lý chất thải để giải quyết những thách thức mới này một cách hiệu quả.

### 49. D

**Kiến thức:** Sắp xếp trật tự câu

### Giải thích:

a. I just got back from this awesome Kpop music festival called "Kpop World Festival".

(Tôi vừa trở về từ lễ hội âm nhạc K-pop tuyệt vời mang tên "Kpop World Festival".)

b. How's it going? I've got some exciting news to share with you.

(Mọi chuyện thế nào rồi? Tôi có một số tin tức thú vị muốn chia sẻ với bạn.)

c. The performances were mind-blowing, and the atmosphere was electric!

(Các buổi biểu diễn thật ấn tượng và bầu không khí sôi động!)



d. I was on cloud nine the whole time, and I even got to meet some fellow Kpop enthusiasts.

*(Tôi vô cùng vui sống suốt thời gian qua và thậm chí tôi còn được gặp một số người bạn cùng đam mê K-pop.)*

e. Can't wait to fill you in on all the details when we hang out next!

*(Rất mong được cung cấp cho bạn tất cả thông tin chi tiết trong lần trò chuyện tiếp theo của chúng ta!)*

### **Bài hoàn chỉnh**

Hi Lan,

How's it going? I've got some exciting news to share with you. I just got back from this awesome Kpop music festival called "Kpop World Festival". The performances were mind-blowing, and the atmosphere was electric! I was on cloud nine the whole time, and I even got to meet some fellow Kpop enthusiasts. Can't wait to fill you in on all the details when we hang out next!

Catch you later,

Sarah

### **Tạm dịch**

Chào Lan,

*Mọi chuyện thế nào rồi? Tôi có một số tin tức thú vị muốn chia sẻ với bạn. Tôi vừa trở về từ lễ hội âm nhạc K-pop tuyệt vời mang tên "Kpop World Festival". Các buổi biểu diễn thật ấn tượng và bầu không khí sôi động! Tôi như đang ở trên chín tầng mây suốt thời gian qua và thậm chí tôi còn được gặp một số người bạn cùng đam mê K-pop. Rất mong được cung cấp cho bạn tất cả thông tin chi tiết trong lần trò chuyện tiếp theo của chúng ta!*

*Gặp bạn sau,*

Sarah

Chọn D

### **50. A**

**Kiến thức:** Sắp xếp trật tự câu

**Giải thích:**

a. Once the bottles and cans are collected, they are sorted into different categories like glass, plastic, and aluminium containers.

*(Sau khi chai và lon được thu thập, chúng sẽ được sắp xếp thành các loại khác nhau như hộp đựng bằng thủy tinh, nhựa và nhôm.)*

b. Recycling bottles and cans begins with collecting from homes, offices, and recycling centres.

*(Tái chế chai và lon bắt đầu bằng việc thu gom từ nhà, văn phòng và trung tâm tái chế.)*

c. Then, they undergo a cleaning process to remove any leftover liquids or residues before they are ready for recycling.

*(Sau đó, chúng trải qua quá trình làm sạch để loại bỏ mọi chất lỏng hoặc cặn còn sót lại trước khi sẵn sàng tái chế.)*

d. Finally, the recycled materials are melted down, moulded, and transformed into new bottles, cans, or other useful items, completing the recycling process.

*(Cuối cùng, các vật liệu tái chế được nấu chảy, đúc khuôn và biến thành chai, lon mới hoặc các vật dụng hữu ích khác, hoàn tất quá trình tái chế.)*

e. Once they are free from dirty or contaminants, the bottles and cans are then crushed or shredded.

*(Sau khi không còn chất bẩn hoặc chất gây ô nhiễm, chai và lon sẽ được nghiền nát hoặc cắt nhỏ.)*

### **Bài hoàn chỉnh**

Recycling bottles and cans begins with collecting from homes, offices, and recycling centres. Once the bottles and cans are collected, they are sorted into different categories like glass, plastic, and aluminium containers. Then, they undergo a cleaning process to remove any leftover liquids or residues before they are ready for recycling. Once they are free from dirty or contaminants, the bottles and cans are then crushed or shredded. Finally, the recycled materials are melted down, moulded, and transformed into new bottles, cans, or other useful items, completing the recycling process.

### **Tạm dịch**

*Tái chế chai và lon bắt đầu bằng việc thu gom từ nhà, văn phòng và trung tâm tái chế. Sau khi chai và lon được thu thập, chúng sẽ được sắp xếp thành các loại khác nhau như hộp đựng bằng thủy tinh, nhựa và nhôm. Sau đó, chúng trải qua quá trình làm sạch để loại bỏ mọi chất lỏng hoặc cặn còn sót lại trước khi sẵn sàng tái chế. Sau khi không còn chất bẩn hoặc chất gây ô nhiễm, chai và lon sẽ được nghiền nát hoặc cắt nhỏ. Cuối cùng, các vật liệu tái chế được nấu chảy, đúc khuôn và biến thành chai, lon mới hoặc các vật dụng hữu ích khác, hoàn tất quá trình tái chế.*

Chọn A